

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 10 - 01 - 2023  
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Kim Phước**.

2. Bà **Bùi Thị Mỹ Duyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Lâm Hồng K**, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Hồng K trình bày:**

Vào năm 2001, bà Lâm Hồng K cùng ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số I/2001 ngày 18/4/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Bà Lâm Hồng K xác định vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/3/2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012. Hiện nay đối với Nguyễn Minh Tân đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 đang sống cùng với bà

Lâm Hồng K. Bà Lâm Hồng K xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Lâm Hồng K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Hồng K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà Lâm Hồng K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lâm Hồng K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lâm Hồng K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Lâm Hồng K đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Căn cước công dân mang tên Lâm Hồng K (bản chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Văn H (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Bản sao giấy khai sinh mang tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/3/2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Nguyễn Văn H và được bà Huỳnh Thị N là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn H cũng như ông Nguyễn Văn H trực tiếp nhận các văn bản tố tụng trên nhưng ông Nguyễn Văn H không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

\* Nguyên đơn bà Lâm Hồng K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng cho con; Đối với con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/3/2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà Lâm Hồng K xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Lâm Hồng K xác định tại phiên tòa hôm nay không còn tình cảm gì với ông Nguyễn Văn H nên không thể hàn gắn mâu thuẫn.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Văn H trình bày ý kiến và triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản đối. Nên xác định tình trạng hôn nhân theo lời trình bày của bà Lâm Hồng K là thật. Do đó yêu cầu của bà K là có cơ sở chấp nhận. Đồng thời chấp nhận giao con chung cho bà Lâm Hồng K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung bà Lâm Hồng K xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Lâm Hồng K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/6/2022, bà Lâm Hồng K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập họp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Lâm Hồng K về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001 bà Lâm Hồng K cùng ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số I/2001, ngày 18/4/2001. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Hồng K và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Lâm Hồng K: Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng bà Lâm Hồng K ông Nguyễn Văn H chung sống bên gia đình cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn H tại Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng về sống bên gia đình của bà Lâm Hồng K tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Lâm Hồng K xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Nguyễn Văn H nhậu về gây ra nhiều vấn đề rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng. Bà Lâm Hồng K cũng khẳng định không thể hàn gắn được mâu thuẫn và đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Nguyễn Văn H nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn H không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản

2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Lâm Hồng K đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân sau từ năm 2020 đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Lâm Hồng K ông Nguyễn Văn H hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Nguyễn Văn H đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện ông Nguyễn Văn H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Lâm Hồng K. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải trước khi xét xử cũng như hòa giải tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H cũng vắng mặt nên không thể hòa giải tại phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng K cho bà Lâm Hồng K được ly hôn với cho ông Nguyễn Văn H.

[3.4] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số I/2001, ngày 18/4/2001 của bà Lâm Hồng K và ông Nguyễn Văn H sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.5] Về con chung: Bà Lâm Hồng K xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Lâm Hồng K và ông Nguyễn Văn H có hai người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/3/2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012. Hiện nay đối với Nguyễn Minh Tân đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Thanh T do bà Lâm Hồng K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/3/2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 thể hiện là con chung của bà Lâm Hồng K, ông Nguyễn Văn H.

[3.6] Xét ý kiến của bà Lâm Hồng K về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 cũng đã trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không thỏa thuận được về vấn đề nuôi con chung. Bà Lâm Hồng K đã xác định đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 cho bà Lâm Hồng K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.7] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay bà Lâm Hồng K đang có công việc với nguồn thu nhập tương đối ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.8] Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Lâm Hồng K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lâm Hồng K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lâm Hồng K chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lâm Hồng K, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Hồng K được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Hồng K ông Nguyễn Văn H theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số I/2001, ngày 18/4/2001 do Ủy ban nhân dân xã B cấp chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/6/2012 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Lâm Hồng K) cho Lâm Hồng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn H mà không ai được cản trở. Bà Lâm Hồng K cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung..

3/ Về tài sản chung: Bà Lâm Hồng K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lâm Hồng K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Hồng K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004537, ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Lâm Hồng K đã thực hiện xong). Ông Nguyễn Văn H không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Hồng K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**